TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C, Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Võ Hiếu T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông Võ Hiếu T, bà Nguyễn Thị Thúy H có thuê mặt bằng địa chỉ xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) mở quán nước giải khát. Do ông thường xuyên đến quán uống

nước nên ông T, bà H biết ông có cho vay tiền.

Ngày 06/11/2019, tại quán nước giải khát, ông T, bà H hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay để xoay sở làm ăn, thời hạn vay 03 năm, từ ngày 06/11/2019 đến ngày 06/11/2022, vì tin tưởng nên ông đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng theo "HỢP ĐỒNG VAY TIỀN" hình thức đánh máy xác lập cùng ngày, có đầy đủ chữ ký tên, ghi họ tên và dấu lăn tay điểm chỉ của các bên. Sau khi hợp đồng được ký kết, ông giao cho ông T, bà H nhận đủ số tiền vay 30.000.000 đồng tại quán nước.

Từ khi nhận tiền vay cho đến ngày đáo hạn, ông T, bà H không thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào cho ông. Trong thời gian vay, ông T, bà H trả mặt bằng, nghỉ kinh doanh quán nước trở về sinh sống tại địa chỉ Khóm D, thị trấn T, tỉnh Vĩnh Long nay là Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long (nơi đăng ký thường trú). Do đó, ông đã 02 lần tìm đến nhà gặp ông T, bà H yêu cầu trả nợ. Mặc dù, ông T, bà H có hứa chuyển nhượng đất lấy tiền thanh toán đủ vốn, lãi cho ông, nhưng sau đó cả hai trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho ông nợ vay tính đến ngày 06/5/2025 số tiền 49.800.000 đồng [Trong đó: nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 19.800.000 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc, tính kể từ ngày 06/11/2019 đến ngày 06/5/2025 là 66 tháng theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng)]; và tiếp tục trả lãi quá hạn trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng kể từ ngày 07/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, tính đến ngày 19/9/2025 xét xử sơ thẩm ông T, bà H chưa trả cho ông số tiền nợ vay là 51.130.000 đồng (Trong đó: nợ gốc 30.000.000 đồng; nợ lãi trên gốc tính kể từ ngày 06/11/2019 đến ngày 19/9/2025 là 70,4333 tháng theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng bằng 21.130.000 đồng).

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 51.130.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Võ Hiếu T, bà Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, bà H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng nguyên đơn ông V đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm; riêng bị đơn ông T, bà H không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của ông V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong Phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Buộc ông T và bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 51.130.000 đồng. Kể từ ngày người được thi hành án ông V có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 51.130.000 đồng thì người phải thi hành án ông T và bà H còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T và bà H phải nộp án phí số tiền 2.556.500 đồng. Hoàn trả cho ông V được nhận lại số tiền 1.245.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 184, Điều 185 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, còn thời hiệu khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản số tiền 30.000.000 đồng, loại vay có kỳ hạn 03 năm, lãi suất 1%/tháng giữa ông V và ông T, bà H theo "HỢP ĐỒNG VAY TIỀN" ngày 06/11/2019 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 119, Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự về điều kiện có hiệu lực và hình thức của giao dịch dân sự đối với hợp đồng vay tài sản, về chuyển giao quyền sở hữu đối với tài sản vay và lãi suất.

[2] Thực hiện hợp đồng, ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ không trả nợ lãi và nợ gốc đến hạn. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T, bà H không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu khởi kiện của ông V.

[3] Xét khởi kiện của ông V yêu cầu ông T và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 51.130.000 đồng, trong đó: nợ gốc số tiền 30.000.000 đồng; nợ lãi trên gốc bao gồm trong hạn và quá hạn tính kể từ ngày 06/11/2019 đến ngày 19/9/2025 xét xử sơ thẩm là 70,4333 tháng theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng bằng 21.130.000 đồng là đúng quy định tại Điều 429, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[4] Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày người được thi hành án ông V có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 51.130.000 đồng thì người phải thi hành án ông T và bà H còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[5] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2], [3], [4] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết ông N và bà H phải chịu án phí số tiền 2.556.500 đồng; hoàn trả cho ông V được nhận lại số tiền 1.245.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 119, các điều 357, 429, 463, 464, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V.

1.1. Buộc ông Võ Hiếu T và bà Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho

ông Nguyễn Thanh V số tiền 51.130.000 (Năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án ông Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 51.130.000 (Năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng thì người phải thi hành án ông Võ Hiếu T và bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Võ Hiếu T và bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp án phí số tiền 2.556.500 (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh V được nhận lại số tiền 1.245.000 (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0002320 ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Nguyễn Thanh V; vắng mặt ông Võ Hiếu T, bà Nguyễn Thị Thúy H. Báo cho ông V có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông N, bà H vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long (Qua Phòng THADS khu vực 2 - Vĩnh Long): 01;
- NĐ + BĐ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.